TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 65/2026/DS-PT Ngày: 22-01-2026	
V/v "Tranh chấp bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Hà

Ông Đặng Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 645/2025/TLPT-DS ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 132/2025/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 754/2025/QĐXXPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2026/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số B ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là Số B ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long). (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Đặng Công T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số G ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Số G ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long). (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2.2. Ông Trần Văn R, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số I ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Số I ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long). (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Minh K, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm;

** Theo nội dung đơn khởi kiện và trình bày ý kiến, nguyên đơn ông Nguyễn Minh K trình bày:*

Dưới đây là nội dung lược ghi lời nói của ông Trần Văn R được trích từ buổi hòa giải ngày 12 tháng 01 năm 2024 tại Ủy ban nhân dân xã B đối với vụ việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa người yêu cầu bà Trần Thị N, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số C ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre; người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số B ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; người bị yêu cầu bà Trần Thị T1, sinh năm 1955; nơi cư trú: Số C ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre.

"Tham gia chú ý cái thứ nhất là tôi muốn hỏi chị N nè, tui ở dưới này tui nắm rất là kỹ chứ hông phải đâu, tôi nay cũng năm mươi tuổi rồi, bây giờ có cái đơn chị nêu như vậy nè chị có cơ sở nào mà chị nêu… cô T1 không chị nắm phần chắc được một phần nào thắng không mà chị thưa khởi kiện, mà chị mướn Luật sư, nói Chị nghiên cứu lại đi.

…Bây giờ người ta có phần thắng rồi bây giờ tôi nói cái đơn thôi, bây giờ tôi nêu lại cái đơn nè. Lúc còn sống he là sáu ngàn sáu trăm ba mươi ba cái cua ba mươi ba mét vuông thuộc thửa bản đồ số 422, 423, 598 mà thửa đất của bà T1 là 424 có liên quan gì thửa đất của chị, chị coi cái lại cái số đất số thửa ... là hôm rồi em biết rồi bàn rồi mà bây giờ tui sẽ nói nè đất này là người ta có bằng khoán rồi mà chị đã biết cái nhà này của bà bà ba, nhà nước cho nhà tình nghĩa chưa, nhà cửa sửa lại một lần nữa chị biết nay bao nhiêu năm chưa, mà nhà nước người ta cho nhà tình nghĩa có quyết định của Ủy ban nhân dân cấp sử dụng xài vĩnh viễn không được quyền là tặng cho hoặc bán, sao lúc đó chị không kiện, họ cất nhà sao chị không kiện, rồi bây giờ người ta ở nhà này nhà tình nghĩa muốn hư rồi chị kiện chị ă tui nói mấy chị nè, tui biết rằng là chị bị người ta lợi dụng, người ta xúi giục, chị nhắm cái đơn chị được một phần thắng nào không mà chị

đòi khởi kiện. Riêng đây tui nói chỗ anh K á, anh trước khi anh làm Luật sư anh phải nghiên cứu, anh phải nghiên cứu anh phân tích cái nào đúng cái nào sai chứ anh không có nắm nguồn gốc đất gì hết trơn anh nhào vô anh nhận cái hồ sơ anh làm mục đích anh lấy tiền chứ gì mà lợi dụng những người mà mà không hiểu biết như vậy là tui thấy anh K nghiên cứu lại, về nghề nghiệp của anh tôi đồng ý là anh làm Luật sư là anh để bảo vệ cái này nhưng mà anh xem lại đi đã hôm rồi tôi giải quyết một lần rồi tôi nói một lần rồi anh có nói là anh không nhận hồ sơ nữa rồi cuối cùng anh khởi kiện nữa là sao, tôi đề nghị hội đồng hòa giải nghiên cứu.

...tôi phân tích cho chị nè, phân tích cho chị hiểu, còn cái đó là quyền của chị, ở đây tôi phân tích cho chị với anh hiểu, còn đi tới đâu là quyền của anh chị, nhưng mà chị ra Tòa là chị phải đủ cơ sở hén, người ta kêu chị cung cấp cơ sở là phải đủ cơ sở, rồi trước khi ra đó chị phải đóng án phí, rồi đủ cơ sở, nếu chị không đủ cơ sở bác bỏ, cái thứ nhất chị tốn công đi nè, cái thứ hai là chị tốn tiền nè, cái thứ 3 chị ít nhiều gì cũng chung cho ông Luật sư hà, nói rõ chị luôn, rồi không có cơ sở là Tòa không giải quyết xếp hồ sơ rồi chị vô đây làm nữa nè, chị không được gì hết trơn á, tự nhiên mất tiền, mất công của rồi mất mít lòng nữa, mà chị cơ sở nào mà chị ra Tòa chị nói, ông nội chị hồi đó cho vậy, bà già chị cho vậy chị có cơ sở nào, mà người ta có giấy quyền sử dụng đỏ đây nè.

.....Nhà nước cho là Nhà nước cho gia đình chính sách nhà nhà tình nghĩa tấm lòng Ủy ban nhân dân xã có quyết định là cho nhà đó vĩnh viễn, bây giờ ông L giải quyết cái nhà này ... vậy á, chị đi tới Trung ương tối cao cũng không giải quyết cái nhà nữa, nói vậy thôi, còn chị muốn đi đâu chị đi, em út phân tích cho chị hiểu.

... Ở đây tui sẽ báo với Hội đồng hòa giải, tui là Chủ tịch Mặt trận, là tui đại diện ... hén là người dân quyền lợi của người dân của tui.

Được quyền phản biện những cái ... tui bây giờ ... tui và những câu nói đó tui sẽ đề nghị vào đây khởi kiện lên nè bị vì anh thưa không có cơ sở anh nhúng tay vô vụ này anh phải biết nguồn gốc và anh phải biết ... bây giờ anh nhắm thắng được một phần thắng nào không? ha là anh muốn làm như dầy để anh vận động, anh lợi dụng những cái trường hợp mà .... đúng không?

Tui là tui phải bảo vệ quyền lợi của người dân tui ... nếu bây giờ nếu thật sự giờ tôi lấy cái đơn này rồi đưa ra Tòa nếu như mà anh không có phần thắng như vậy anh phải lợi dụng cái cái cái anh gạt gẩm người dân tôi không, nguồn gốc đất này tui nắm rất là rõ, hôm rồi giải quyết một lần anh có nói ra, anh nói sao,

đó giờ trước mắt có liên quan gì cái cái cái cái cái này không mà anh là anh ủy quyền anh vô nhận hồ sơ này, đúng ra tui nói nếu anh là luật sư anh có đạo đức nghề nghiệp thì anh thấy này thôi thôi cô làm không có ăn đâu cô hổng ấy đừng có thưa, con không nhận hồ sơ này đâu, anh nhận hồ sơ ít ra anh 50% thắng anh mới nhận, đúng chưa? Bây giờ tui cam đoan với anh luôn tui cho đi ra tới Tối cao, nếu anh thắng tôi làm đơn nghỉ việc liền còn nếu mà thua thì anh thế nào? Anh phải biết cái nào cái nào anh phải nhận, anh phải giúp dân ít ra phải 50% trở lên anh mới giúp, tui nói hộ nghèo của tui nè, chị N là hộ nghèo của tui nè, đang khổ sở …., bây giờ ít nhiều thì thù lao của anh là bao nhiêu, thu nhập anh thiệt sao, rồi cuối cùng nợ ai lo, tụi tui lo hay ai lo, anh đồng ý là cái nghề của anh là Luật sư rồi tui nói ngày hôm qua … nói sai, nhưng tui muốn nói anh trước khi anh nhận anh phải xem xét, chứ không phải hồ sơ nào anh cũng nhận, tui phản hồi cái câu anh có gì anh có yêu cầu gì tui chịu trách nhiệm, tui ... chịu trách nhiệm bị gì quê ngoại tui ở đây luôn tui bảo vệ người dân của tui. Vậy hội đồng giải quyết tiếp ... kiện ra Tòa không giải quyết vụ này tui không chịu luôn...” .

Tại buổi hòa giải thành phần tham dự gồm có Hội đồng hòa giải, bà N, chồng bà N, người đại diện theo ủy quyền của bà N là ông K, bà Trần Thị T1 và con gái bà T1. Theo trình tự, đại diện Hội đồng hòa giải thông qua nội dung Đơn yêu giải quyết của bà N. Sau đó, các bên đương sự trình bày ý kiến thể hiện quan điểm cá nhân đối với yêu cầu đó. Tuy nhiên, ngay sau khi thông qua nội dung yêu cầu, ông T và ông R luân phiên nhau có hành vi thể hiện bằng lời nói, cử chỉ, thái độ rất gay gắt nhằm phê phán, đánh giá sự thật khách quan của vấn đề. Hai ông cho rằng, nội dung tranh chấp không có cơ sở, không phù hợp với thực tế... Ngoài ra, hai ông dùng ngôn phong rất nặng nề, cường độ âm thanh gây rất không thoải mái cho buổi hòa giải. Qua đó, bà N đã rất yếu thế, đã bị những lời nói đó làm cho bà N run sợ, không dám phát biểu hết ý của mình. Hoặc bà đang phát biểu liền bị hai ông chặn lại. Riêng đối với vai trò của ông, là người đại diện theo ủy quyền của bà N. Ông không dự buổi hòa giải với vai trò là Luật sư nhưng đã bị ông Trần Văn R dùng lời lẽ rất nặng nề, đã xúc phạm đến uy tín, danh dự của một Luật sư như ông. Để đạt được Chứng chỉ hành nghề Luật sư, ông đã phải trải qua quá trình học tập và rèn luyện trong một thời gian dài. Đã đạt được một trình độ nhất định do Bộ Tư pháp, L1 công nhận và cấp phép hành nghề. Ông nhận thấy, trong thời gian làm việc với Ủy ban nhân dân xã B, ông đã hợp tác rất tích cực; không có sơ suất về tác phong cũng như ngôn

phong. Ông đã rất tôn trọng Cơ quan có thẩm quyền, không để sai sót về hành vi hay bất cứ vấn đề gì trái với quy định pháp luật tại Cơ quan. Trong quá trình đào tạo nghề Luật sư, Học viện Tư pháp đã quán triệt rất sâu sắc nội dung môn học "Quy tắc ứng xử và Đạo đức nghề Luật sư" và "Luật Luật sư". Qua đó, ông biết cách thể hiện như thế nào cho phù hợp đối với Cơ quan Nhà nước và những cơ quan hữu quan khác. Trường hợp ông có vi phạm thì ông sẽ chịu sự điều chỉnh của Cơ quan có thẩm quyền. Ở đây, ông Trần Văn R không đủ thẩm quyền để đánh giá hay phán xét nghề nghiệp của ông. Ông R đã đánh đồng Luật sư, ông cho rằng Luật sư gạt tiền của người dân, lợi dụng, xúi giục, không biết sai trái, chỉ biết nhận tiền mà không hiểu được quyền lợi của người dân, ... Ông R còn quả quyết kết quả vụ kiện là không thể nào thắng, nếu thắng ông sẽ lập tức viết đơn xin nghỉ việc. Theo quy định, không có một cá nhân nào hay tổ chức nào có thẩm quyền ngoài Tòa án để xét xử, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Với vai trò là Luật sư, ông có sứ mệnh do Nhà nước giao phó là đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp đó. Đối với ông R, ông không có bất kỳ lời nói hay hành vi nào làm ảnh hưởng đến ông R. Ông không rõ lý do vì sao ông R lại có thái độ và lời nói không thiện chí với ông như vậy? Đặc biệt hơn nữa, ông Đặng Công T là Chủ tịch Ủy ban, là người chủ trì buổi hòa giải, mà ông T không có sự điều chỉnh đối với ngôn phong của ông R. Không những thế, ông T còn dùng lời nói và cường độ rất cao nhằm đưa ra quan điểm không ủng hộ việc tranh chấp của bà N. Ông nhận thấy, ông T không thực hiện đúng theo chức năng và quyền hạn của một Lãnh đạo Cơ quan. Việc tranh chấp của các bên đương sự nếu hòa giải không thành thì có Cơ quan xét xử là Tòa án. Tại cấp cơ sở chỉ Hòa giải theo quy định của pháp luật, Ủy ban không có thẩm quyền phán quyết một sự việc khi pháp luật chưa quy định. Hơn nữa, ông T đã không phản đối việc ông R có lời nói xúc phạm ông mà còn cổ xúy để ông R phát biểu rất nhiều lần về nội dung xúc phạm đó. Như vậy, đủ thấy rằng, chức năng và quyền hạn của ông Chủ tịch đã không thực hiện đúng. Từ ngày hòa giải đến nay, công việc liên quan đến nghề Luật sư của ông đã bị ảnh hưởng rất nhiều. Số đông khách hàng của ông có đề cập đến việc bị ông R đánh giá là lừa gạt tiền của người dân. Họ rất hoang mang về tính sự thật của việc này, ông không thể giải thích được do cũng chỉ là lời nói từ một bên. Tuy nhiên, về uy tín, danh dự, nhân phẩm của ông đã bị ảnh hưởng. Dẫn đến hoạt động nghề của ông đã suy giảm rõ rệt tại địa bàn huyện T. Điều đó tác động đến tinh thần của ông rất nghiêm trọng. Rất nhiều tháng nay ông không buông bỏ được khi nhớ lại những lời nói

của ông R và ông T tại buổi giải đó. Ông đã bị mất tự tin trước khách hàng của ông cùng như những Cơ quan trong quá trình làm việc.

Qua đó ông nhận thấy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B ông Đặng Công T không thực hiện đúng chức năng quyền hạn làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, đồng thời chủ tịch mặt trận tổ quốc xã B ông Trần Văn R có hành vi thể hiện bằng lời nói xúc phạm uy tín danh dự nhân phẩm của Luật sư.

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông các vấn đề sau đây:

1. Buộc ông Đặng Công T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B ban hành văn bản đính chính về việc thiếu trách nhiệm đã không điều chỉnh ngôn phong của ông Trần Văn R nhằm xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của ông - Luật sư Nguyễn Minh K tại buổi hòa giải như đã nêu trên;

2. Buộc ông Trần Văn R và ông Đặng Công T công khai xin lỗi ông tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã B vì đã xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của ông - Luật sư Nguyễn Minh K;

3. Buộc ông Trần Văn R và ông Đặng Công T có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho ông về tổn thất tinh thần do uy tín, danh dự, nhân phẩm của ông bị xúc phạm với số tiền bằng 10 tháng lương cơ bản là 23.400.000 (hai mươi ba triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Đối với tổn thất về thu nhập thường xuyên do không thể định lượng được nên ông không yêu cầu bồi thường khoản này.

** Theo đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 14 tháng 5 năm 2025 và văn bản trình bày nội dung lược ghi (kèm theo USB chứa file ghi âm) ông Nguyễn Minh K trình bày:*

Dưới đây là nội dung lược ghi lời nói của ông Trần Văn R được trích từ buổi hòa giải ngày 25/7/2024 tại Ủy ban nhân dân xã B đối với vụ việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa các đương sự: người yêu cầu bà Trần Thị N, sinh năm 1969. Nơi cư trú: số C ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre, người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1981, nơi cư trú số B ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, người bị yêu cầu bà Trần Thị T1, sinh năm 1955. Nơi cư trú: số C ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Đoạn 1: Phút thứ 03 đến phút thứ 05 + 05 giây

"Tham gia chú ý cái thứ nhất là tôi muốn hỏi chị N nè, tui ở dưới này tui nắm rất là kỹ chứ hông phải đâu, tôi năm nay cũng năm mươi tuổi rồi, bây giờ có cái đơn chị nêu như vậy nè chị có cơ sở nào mà chị nêu… cô T1 không chị

nắm phần chắc được một phần nào thắng không mà chị thưa khởi kiện, mà chị mướn Luật sư, nói chị nghiên cứu lại đi.

…Bây giờ người ta có phần thắng rồi bây giờ tôi nói cái đơn thôi, bây giờ tôi nêu lại cái đơn nè. Lúc còn sống he là sáu ngàn sáu trăm ba mươi ba cái cua ba mươi ba mét vuông thuộc thửa bản đồ số 422, 423, 598 mà thửa đất của bà T1 là 424 có liên quan gì thửa đất của chị, chị coi cái lại cái số đất số thửa ... là hôm rồi em biết rồi bàn rồi mà bây giờ tui sẽ nói nè đất này là người ta có bằng khoán rồi mà chị đã biết cái nhà này của bà bà ba, nhà nước cho nhà tình nghĩa chưa, nhà cửa sửa lại một lần nữa chị biết nay bao nhiêu năm chưa, mà nhà nước người ta cho nhà tình nghĩa có quyết định của Ủy ban nhân dân cấp sử dụng xài vĩnh viễn không được quyền là tặng cho hoặc bán, sao lúc đó chị không kiện, họ cất nhà sao chị không kiện, rồi bây giờ người ta ở nhà này nhà tình nghĩa muốn hư rồi chị kiện chị ă tui nói mấy chị nè, tui biết rằng là chị bị người ta lợi dụng, người ta xúi giục, chị nhắm cái đơn chị được một phần thắng nào không mà chị đòi khởi kiện. Riêng đây tui nói chỗ anh K á, anh trước khi anh làm Luật sư anh phải nghiên cứu, anh phải nghiên cứu anh phân tích cái nào đúng cái nào sai chứ anh không có nắm nguồn gốc đất gì hết trơn anh nhào vô anh nhận cái hồ sơ anh làm mục đích anh lấy tiền chứ gì mà lợi dụng những người mà mà không hiểu biết như vậy là tui thấy anh K nghiên cứu lại, về nghề nghiệp của anh tôi đồng ý là anh làm Luật sư là anh để bảo vệ cái này nhưng mà anh xem lại đi đã hôm rồi tôi giải quyết một lần rồi tôi nói một lần rồi anh có nói là anh không nhận hồ sơ nữa rồi cuối cùng anh khởi kiện nữa là sao, tôi đề nghị hội đồng hòa giải nghiên cứu.

Đoạn 2: Phút thứ 32 + 45 giây đến phút thứ 33 +50 giây:

...tôi phân tích cho chị nè, phân tích cho chị hiểu, còn cái đó là quyền của chị, ở đây tôi phân tích cho chị với anh hiểu, còn đi tới đâu là quyền của anh chị, nhưng mà chị ra Tòa là chị phải đủ cơ sở hén, người ta kêu chị cung cấp cơ sở là phải đủ cơ sở, rồi trước khi ra đó chị phải đóng án phí, rồi đủ cơ sở, nếu chị không đủ cơ sở bác bỏ, cái thứ nhất chị tốn công đi nè, cái thứ hai là chị tốn tiền nè, cái thứ 3 chị ít nhiều gì cũng chung cho ông Luật sư hà, nói rõ chị luôn, rồi không có cơ sở là Tòa không giải quyết xếp hồ sơ rồi chị vô đây làm nữa nè, chị không được gì hết trơn á, tự nhiên mất tiền, mất công của rồi mất mít lòng nữa, mà chị cơ sở nào mà chị ra Tòa chị nói, ông nội chị hồi đó cho vậy, bà già chị cho vậy chị có cơ sở nào, mà người ta có giấy quyền sử dụng đỏ đây nè.

Nhà nước cho là Nhà nước cho gia đình chính sách nhà nhà tình nghĩa tấm lòng Ủy ban nhân dân xã có quyết định là cho nhà đó vĩnh viễn, bây giờ ông L giải quyết cái nhà này ... vậy á, chị đi tới Trung ương tối cao cũng không giải quyết cái nhà nữa, nói vậy thôi, còn chị muốn đi đâu chị đi, em út phân tích cho chị hiểu.

Đoạn 3: Phút thứ 42 đến phút thứ 44+ 10 giây:

... Ở đây tui sẽ báo với Hội đồng hòa giải, tui là Chủ tịch Mặt trận, là tui đại diện ... hén là người dân quyền lợi của người dân của tui.

Được quyền phản biện những cái ... tui bây giờ ... tui và những câu nói đó tui sẽ đề nghị vào đây khởi kiện lên nè bị vì anh thưa không có cơ sở anh nhúng tay vô vụ này anh phải biết nguồn gốc và anh phải biết ... bây giờ anh nhắm thắng được một phần thắng nào không? ha là anh muốn làm như dầy để anh vận động, anh lợi dụng những cái trường hợp mà .... đúng không?

Tui là tui phải bảo vệ quyền lợi của người dân tui ... nếu bây giờ nếu thật sự giờ tôi lấy cái đơn này rồi đưa ra Tòa nếu như mà anh không có phần thắng như vậy anh phải lợi dụng cái cái cái anh gạt gẩm người dân tôi không, nguồn gốc đất này tui nắm rất là rõ, hôm rồi giải quyết một lần anh có nói ra, anh nói sao, đó giờ trước mắt có liên quan gì cái cái cái cái cái này không mà anh là anh ủy quyền anh vô nhận hồ sơ này, đúng ra tui nói nếu anh là luật sư anh có đạo đức nghề nghiệp thì anh thấy này thôi thôi cô làm không có ăn đầu cô hổng ấy đừng có thưa, con không nhận hồ sơ này đâu, anh nhận hồ sơ ít ra anh 50% thắng anh mới nhận, đúng chưa? Bây giờ tui cam đoan với anh luôn tui cho đi ra tới Tối cao, nếu anh thắng tôi làm đơn nghỉ việc liền còn nếu mà thua thì anh thế nào? Anh phải biết cái nào cái nào anh phải nhận, anh phải giúp dân ít ra phải 50% trở lên anh mới giúp, tui nói hộ nghèo của tui nè, chị N là hộ nghèo của tui nè, đang khổ sở …., bây giờ ít nhiều thì thù lao của anh là bao nhiêu, thu nhập anh thiệt sao, rồi cuối cùng nợ ai lo, tụi tui lo hay ai lo, anh đồng ý là cái nghề của anh là Luật sư rồi tui nói ngày hôm qua …nói sai, nhưng tui muốn nói anh trước khi anh nhận anh phải xem xét, chứ không phải hồ sơ nào anh cũng nhận, tui phản hồi cái câu anh có gì anh có yêu cầu gì tui chịu trách nhiệm, tui ... chịu trách nhiệm bị gì quê ngoại tui ở đây luôn tui bảo vệ người dân của tui. Vậy hội đồng giải quyết tiếp ... kiện ra Tòa không giải quyết vụ này tui không chịu luôn...” .

Tại buổi hòa giải thành phần tham dự gồm có Hội đồng hòa giải, bà N, chồng bà N, người đại diện theo ủy quyền của bà N là ông K, bà Trần Thị T1 và

con gái bà T1. Theo trình tự, đại diện Hội đồng hòa giải thông qua nội dung Đơn yêu giải quyết của bà N. Sau đó, các bên đương sự trình bày ý kiến thể hiện quan điểm cá nhân đối với yêu cầu đó. Tuy nhiên, ngay sau khi thông qua nội dung yêu cầu, ông T và ông R luân phiên nhau có hành vi thể hiện bằng lời nói, cử chỉ, thái độ rất gay gắt nhằm phê phán, đánh giá sự thật khách quan của vấn đề. Hai ông cho rằng, nội dung tranh chấp không có cơ sở, không phù hợp với thực tế... Ngoài ra, hai ông dùng ngôn phong rất nặng nề, cường độ âm thanh gây rất không thoải mái cho buổi hòa giải. Qua đó, bà N đã rất yếu thế, đã bị những lời nói đó làm cho bà run sợ, không dám phát biểu hết ý của mình. Hoặc bà đang phát biểu liền bị hai ông chặn lại. Riêng đối với vai trò của ông, là người đại diện theo ủy quyền của bà N. Ông không dự buổi hòa giải với vai trò là Luật sư nhưng đã bị ông Trần Văn R dùng lời lẽ rất nặng nề, đã xúc phạm đến uy tín, danh dự của một Luật sư như ông. Để đạt được Chứng chỉ hành nghề Luật sư, ông đã phải trải qua quá trình học tập và rèn luyện trong một thời gian dài. Đã đạt được một trình độ nhất định do Bộ Tư pháp, L1 công nhận và cấp phép hành nghề. Ông nhận thấy, trong thời gian làm việc với Ủy ban nhân dân xã B, ông đã hợp tác rất tích cực; không có sơ suất về tác phong cũng như ngôn phong. Ông đã rất tôn trọng Cơ quan có thẩm quyền, không để sai sót về hành vi hay bất cứ vấn đề gì trái với quy định pháp luật tại Cơ quan. Trong quá trình đào tạo nghề Luật sư, Học viện Tư pháp đã quán triệt rất sâu sắc nội dung môn học "Quy tắc ứng xử và Đạo đức nghề Luật sư" và "Luật Luật sư". Qua đó, ông biết cách thể hiện như thế nào cho phù hợp đối với Cơ quan Nhà nước và những cơ quan hữu quan khác. Trường hợp ông có vi phạm thì ông sẽ chịu sự điều chỉnh của Cơ quan có thẩm quyền. Ở đây, ông Trần Văn R không đủ thẩm quyền để đánh giá hay phán xét nghề nghiệp của ông. Ông R đã đánh đồng Luật sư, ông cho rằng Luật sư gạt tiền của người dân, lợi dụng, xúi giục, không biết sai trái, chỉ biết nhận tiền mà không hiểu được quyền lợi của người dân, ... Ông R còn quả quyết kết quả vụ kiện là không thể nào thắng, nếu thắng ông sẽ lập tức viết đơn xin nghỉ việc. Theo quy định, không có một cá nhân nào hay tổ chức nào có thẩm quyền ngoài Tòa án để xét xử, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Với vai trò là Luật sư, ông có sứ mệnh do Nhà nước giao phó là đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp đó. Đối với ông R, ông không có bất kỳ lời nói hay hành vi nào làm ảnh hưởng đến ông R. Ông không rõ lý do vì sao ông R lại có thái độ và lời nói không thiện chí với ông như vậy? Đặc biệt hơn nữa, ông Đặng Công T là Chủ tịch Ủy ban, là người chủ trì buổi hòa giải, mà ông không

có sự điều chỉnh đối với ngôn phong của ông R. Không những thế, ông T còn dùng lời nói và cường độ rất cao nhằm đưa ra quan điểm không ủng hộ việc tranh chấp của bà N. Ông nhận thấy, ông T không thực hiện đúng theo chức năng và quyền hạn của một Lãnh đạo Cơ quan. Việc tranh chấp của các bên đương sự nếu hòa giải không thành thì có Cơ quan xét xử là Tòa án. Tại cấp cơ sở chỉ Hòa giải theo quy định của pháp luật, Ủy ban không có thẩm quyền phán quyết một sự việc khi pháp luật chưa quy định. Hơn nữa, ông T đã không phản đối việc ông R có lời nói xúc phạm ông mà còn cổ xúy để ông R phát biểu rất nhiều lần về nội dung xúc phạm đó. Như vậy, đủ thấy rằng, chức năng và quyền hạn của ông Chủ tịch đã không thực hiện đúng. Từ ngày hòa giải đến nay, công việc liên quan đến nghề Luật sư của ông đã bị ảnh hưởng rất nhiều. Số đông khách hàng của ông có đề cập đến việc bị ông R đánh giá là lừa gạt tiền của người dân. Họ rất hoang mang về tính sự thật của việc này, ông không thể giải thích được do cũng chỉ là lời nói từ một bên. Tuy nhiên, về uy tín, danh dự, nhân phẩm của ông đã bị ảnh hưởng. Dẫn đến hoạt động nghề của ông đã suy giảm rõ rệt tại địa bàn huyện T. Điều đó tác động đến tinh thần của ông rất nghiêm trọng. Rất nhiều tháng nay ông không buông bỏ được khi nhớ lại những lời nói của ông R và ông T tại buổi giải đó. Ông đã bị mất tự tin trước khách hàng của ông cùng như những Cơ quan trong quá trình làm việc. Qua đó ông nhận thấy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B – ông Đặng Công T không thực hiện đúng chức năng, quyền hạn làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của Luật sư; đồng thời, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã B - ông Trần Văn R có hành vi thể hiện bằng lời uy tín, danh dự, nhân phẩm của Luật sư. Với những lý do nêu trên, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông các vấn đề sau đây:

1. Buộc ông Đặng Công T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B ban hành văn bản đính chính về việc thiếu trách nhiệm đã không điều chỉnh ngôn phong của ông Trần Văn R nhằm xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của ông - Luật sư Nguyễn Minh K tại buổi hòa giải như đã nêu trên;

2. Buộc ông Trần Văn R và ông Đặng Công T công khai xin lỗi ông tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã B vì đã xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của ông - Luật sư Nguyễn Minh K;

3. Buộc ông Trần Văn R và ông Đặng Công T có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho ông về tổn thất tinh thần do uy tín, danh dự, nhân phẩm của ông bị xúc phạm với số tiền bằng 10 tháng lương cơ bản là 23.400.000 đồng (Hai mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

** Tại Văn bản trình bày nội dung lược ghi (kèm theo usb chứa file ghi âm) ngày 15 tháng 9 năm 2025 ông Nguyễn Minh K trình bày:*

Ông xin cung cấp nội dung lược ghi một phần đoạn ghi âm buổi hòa giải ngày 09/01/2025 tại Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre trong vụ việc tranh chấp giữa các đương sự nêu trên. Cụ thể như sau:

Đoạn 1: Từ phút thứ 41 + 50 giây đến phút thứ 43 + 28 giây:

Ông T trình bày: "... Chỗ Anh H gợi ý Ủy ban nhân dân xã có văn bản gửi anh K, gửi chỗ chú K. Nhưng mà bây giờ, cái đó chẳng qua là hình thức thôi, cũng không bằng cái tâm đâu chú K. Thật ra anh nói với em như vậy cũng đã hết lời rồi á chú K, bằng cả thành ý rồi á chú K. Nói thật, sau này anh em mình còn gặp lại nữa chú K. Chứ không phải bữa nay rồi vĩnh viễn không gặp lại nữa chú K. Cho nên là trong quá trình như vậy á, chỗ anh R cũng có xin lỗi với em rồi. Cho nên là em có tha thứ được thì tha thứ còn không tha thứ được thì thôi. Chứ còn ngày hòa giải đó, em nói vụ án này để thôi để về em xem xét lại, em đứng dậy em bắt tay em về. Anh cũng không có văn bản kết luận nào và anh cũng không có một cái thông báo gì hết. Từ ngày đó đến nay cứ im lìm chứ đâu phải anh đi thông báo, kết luận, anh gửi lên đài hay anh nói nhiều người biết. Cho nên em cũng nên xem xét lại, trong luật nó cũng có lệ, có cái nghĩa và có cái tình, có cái lý cũng có cái tình chú K. Anh nói em vậy cũng hết lời rồi, còn em cứ khăng khăng theo ý em thì thôi.

Đoạn 2: Từ phút thứ 43 + 55 giây đến phút thứ 44 + 50 giây:

Ông T trình bày: "... Còn anh R cũng đã có xin lỗi rồi, nói thiệt bữa đó do ảnh cũng lỡ lời kêu Luật sư, Luật sư vậy thôi bữa ảnh cũng lỡ lời vậy thôi... ảnh cũng đã lớn tuổi rồi, ảnh cũng sẵn sàng năn nỉ, xin lỗi em rồi..."

Đoạn 3: Phút thứ 51 + 40 giây đến phút thứ 43 + 28 giây:

Ông R trình bày: "... hồi nảy tôi đã có xin lỗi chú K, bây giờ ý anh cũng muốn trao đổi với chú K, chú K phải xem lại, ngày hòa giải đâu có đến nỗi phải làm mất uy tín danh dự của chú K gì đâu. Nên xem lại, còn ví dụ như là ý về chú K đưa ra là Luật sư gì đó, như chỗ chú H đã phân tích giữa Luật sư với người đại diện á thì ở đây cấp cơ sở không nắm được thì lỡ nói thì ở đây tui cũng tha thiết xin lỗi thiệt, cái đó nói thiệt. .... (không rõ)....

** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 19 tháng 9 năm 2025 của ông Nguyễn Minh K trình bày:*

Đối với lời trình bày của những người tham gia và tham dự buổi hòa giải ngày 25/7/2024 gồm các đương sự trong vụ việc tranh chấp là bà Trần Thị N, bà

Trần Thị T1, bà Trần Thị Kim S, ông Trần Văn X; cùng Hội đồng hòa giải gồm ông Đặng Công T, ông Trần Văn R, ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị N1, ông Trần Văn T2, bà Huỳnh Thị Mộng T3, ông Nguyễn Văn T4 có lời trình bày chưa phản ánh nội dung thực tế diễn biến tại buổi hòa giải. Tất cả mọi người đều có cùng lời trình bày tương tự nhau và cho rằng ông R và ông T không có lời nói hay hành vi xúc phạm danh dự, uy tín, nhân phẩm của ông. Vấn đề này ông hoàn toàn thông cảm cho người dân và những người thuộc quyền lãnh đạo, quản lý của ông Đặng Công T. Đây là những lời trình bày mang tính cá nhân, mọi người có quyền cả nể Lãnh đạo hoặc có thể trình bày cho sự việc nhẹ nhàng, tránh dẫn đến tình hình căng thẳng, mâu thuẫn gay gắt trong tổ chức cũng như giữ mối hòa khí giữa người dân và Lãnh đạo Ủy ban. Tuy nhiên, căn cứ vào nội dung đoạn ghi âm ngày 25/7/2024 mà ông đã cung cấp cho Tòa án đã phản ánh rất rõ ràng về sự thật đã diễn ra. Kính đề nghị Hội đồng xét xử hết sức tận tâm và kiên nhẫn lắng nghe toàn bộ đoạn ghi âm để thấu hiểu được sự việc như ông đã diễn giải;

Đối với trình tự thủ tục diễn ra buổi hòa giải, các thành viên của Hội đồng hòa giải đã trình bày có nội dung đã phổ biến nội quy khi tham gia hòa giải. Ông khẳng định trong những lần tham gia hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã B, Ủy ban không phổ biến nội quy. Tuy nhiên, nội dung này không ảnh hưởng đến nội dung tranh chấp giữa các bên nên ông và các đương sự không ý kiến. Về lời trình bày cũng như ý kiến của các thành viên Hội đồng hòa giải, đặc biệt là ông Đặng Công T và ông Trần Văn R đã vượt giới hạn đối với chức năng và quyền hạn của các ông. Vấn đề này ông không thể diễn đạt hết bằng lời nói, tất cả thể hiện rất rõ tại buổi hòa giải ngày 25/7/2024.

Theo nội dung 02 Bản tự khai cùng ngày 02/6/2025 của ông Đặng Công T và ông Trần Văn R đã giao nộp cho Tòa án: 02 bản tự khai này có cùng nội dung và hình thức trình bày. Ông T và ông R không thừa nhận hành vi có lỗi của các ông mà còn viện dẫn lý do đổ lỗi cho người khởi kiện. Hơn nữa, hai ông còn dùng thêm lời nói "Ông Nguyễn Minh K là một Luật sư mà quá tráo trở", điều này ông nhận thấy ông T và ông R cố ý nhấn mạnh sự không tôn trọng của hai ông dành cho ông là Luật sư hay đúng hơn là đã xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của người khác;

Đối với nội dung Công văn số 1026/CV-TA ngày 25/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú (nay thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Tỉnh Vĩnh Long) thể hiện: "... Kể từ ngày 25/7/2024 cho đến nay, Tòa án nhân dân huyện

Thạnh Phú đã nhận 25 trường hợp Luật sư Nguyễn Minh K tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người đại diện theo ủy quyền của đương sự...". Nhận thấy, những vụ án này đã được Tòa án thụ lý trước ngày 25/7/2024 và đang tiến hành tố tụng cho đến thời gian hiện tại. Do đó, vấn đề danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông bị ảnh hưởng dẫn đến công việc hiện tại của ông bị giảm súc là hoàn toàn đúng theo thực tế;

Đối với những câu nói của ông R đã phát biểu trong buổi hòa giải ngày 25/7/2024, ông nhận thấy ý nghĩa sâu xa mà ông R muốn diễn đạt để đánh giá cá nhân của một Luật sư, cụ thể như sau:

Câu nói: "... anh không có nắm nguồn gốc đất gì hết trơn anh nhào vô anh nhận cái hồ sơ anh làm mục đích anh lấy tiền chứ gì mà lợi dụng những người mà mà không hiểu biết như vậy..." hàm ý cho rằng việc khởi kiện của bà N là do bị người khác xúi giục, lợi dụng và nghi ngờ khả năng thành công của vụ kiện (có "thắng" được hay không). Đây là lời đánh giá, nhận xét, nghi ngờ mang tính chủ quan, không khẳng định sự thật một cách chắc chắn. Về hậu quả pháp lý câu nói này ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, uy tín, nhân phẩm của ông. Ông R đã xác định Luật sư không có năng lực, không nắm nguồn gốc đất; xác định ông nhận hồ sơ với mục đích lấy tiền; xác định ông lợi dụng người không hiểu biết, tức là gán cho ông động cơ xấu và hành vi không trung thực;

C nói: "... chị nắm phần chắc được một phần nào thắng không mà chị thưa khởi kiện, mà chị mướn Luật sư nó! Chị nghiên cứu lại đi..." mang ý nghĩa ông R đã nghi ngờ khả năng thắng kiện của vụ việc, nhắc việc bà N thuê Luật sư ("chị mướn Luật sư nó!") kèm theo ngữ điệu có thể mang tính châm biếm hoặc coi thường. Kêu chị "nghiên cứu lại đi" - hàm ý khuyên không nên khởi kiện. Đây là nhận xét mang tính chủ quan, kết hợp với thái độ mỉa mai một Luật sư và đương sự trong vụ án. Đây là nhận định cá nhân về khả năng thắng kiện. Pháp luật cho phép cá nhân được quyền đưa ra ý kiến, nghi ngờ, chất vấn về hành động của người khác, miễn không xúc phạm danh dự, uy tín, nhân phẩm. Nhưng vấn đề tranh chấp hay kết quả giải quyết không thuộc thẩm quyền của ông R, ông R đã dùng lời nói "chị mướn Luật sư nó!" mang sắc thái coi thường Luật sư, tuy không phải yếu tố cấu thành "làm nhục" hay "vu khống" nhưng cũng là lời nói xúc phạm gián tiếp. Lời nói mang thái độ xúc phạm, ngữ điệu khinh thường, chửi bới, xúc phạm Luật sư trước đám đông là lời xúc phạm danh dự, uy tín, nhân phẩm cá nhân người khác;

C nói: “Lợi dụng, người ta xúi giục, chị nhắm cái đơn chị được một phần thắng nào không mà chị đòi khởi kiện” ông R đã khẳng định bà N bị “lợi dụng, xúi giục”, nghi ngờ khả năng thắng kiện (“nhắm cái đơn chị được phần thắng nào không”), đã chất vấn lý do bà N khởi kiện. Đây không chỉ là lời khuyên, mà còn là lời quy kết rằng việc khởi kiện không xuất phát từ ý chí tự nguyện mà do người khác là Luật sư xúi giục, lợi dụng bà N. Điều này đã xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông theo quy định của pháp luật. Ông R đã dùng lời nói “bị lợi dụng, bị xúi giục” đã làm giảm uy tín, khiến người khác hiểu rằng bà N không đủ nhận thức, bị người khác điều khiển. Ông R đã phát ngôn trước đám đông, trong bối cảnh nhiều người biết, điều này đã xúc phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm rất nghiêm trọng đối với ông. Lời nói của ông R được thể hiện với thái độ nhục mạ, hạ thấp nhân phẩm, khiến ông bị nhiều người xem thường, cũng có thể xem xét yêu tố hình sự đối với ông R. Ngoài ra, lời nói này như là lời buộc tội (“bị lợi dụng, xúi giục”), lời nghi ngờ khả năng thắng kiện. Ông R phát ngôn không có căn cứ mà vẫn công khai, điều này đã xâm phạm danh dự, uy tín của Luật sư.

C nói: “Bây giờ anh nhắm thắng được một phần thắng nào không? Ha là anh muốn làm như vậy để anh vận động, anh lợi dụng những cái trường hợp mà đúng không?"; “Anh nhắm thắng được một phần thắng nào không?”, đây là lời nghi ngờ khả năng thắng kiện, mang tính nhận định chủ quan. “Anh muốn làm như vậy để anh vận động, anh lợi dụng những cái trường hợp...”, đây là lời quy kết rằng bản thân Luật sư có động cơ cá nhân, lợi dụng tình huống để trục lợi, ánh hưởng đến uy tín, danh dự, nhân phẩm đặc biệt nếu người nghe hoặc người khác hiểu rằng Luật sư có hành vi không minh bạch, trục lợi”.

Câu nói: “Anh phải lợi dụng cái cái cái anh gạt gầm người dân tôi không?”. Ông R có ý chất vấn, đồng thời gán cho ông hành vi “lợi dụng”, “gạt gẫm” hay lừa gạt người dân. Đây không chỉ là câu hỏi đơn thuần, mà còn mang tính cáo buộc, nghi ngờ tiêu cực, hàm ý Luật sư có hành vi gian dối, lợi dụng để trục lợi.

Câu nói: “Đúng ra tui nói nếu anh là Luật sư, anh có đạo đức nghề nghiệp thì anh thấy này thôi thôi cô làm không có ăn đâu cô hổng ấy đừng có thưa, con không nhận hồ sơ này đâu, anh nhận hồ sơ ít ra anh 50% thắng anh mới nhận, đúng chưa?”. Mang ý nghĩa gán tiêu chuẩn đạo đức cho Luật sư: “Nếu anh có đạo đức nghề nghiệp thì phải khuyên khách hàng đừng khởi kiện, phải từ chối nhận hồ sơ nếu không chắc thắng 50%", hàm ý ông không làm như vậy nên ông không có đạo đức nghề nghiệp.

Câu nói: “Bây giờ tui cam đoan với anh luôn tui cho đi ra tới Tối cao, nếu anh thắng tôi làm đơn nghỉ việc liền còn nếu mà thua thì anh thế nào?” Ông R đưa ra cam kết: “Tôi cam đoan với anh luôn, đi tới Tối cao nếu anh thắng tôi nghỉ việc”. Đây là lời thách thức, cá cược về kết quả vụ kiện. Ông R đã nhận xét “đạo đức nghề nghiệp”, lời đánh giá mang tính phán xét làm ảnh hưởng tới danh dự, uy tín nghề nghiệp của Luật sư. Ông R ám chỉ rằng ông nhận hồ sơ chỉ để lấy tiền, không có đạo đức nghề nghiệp, là đã xâm phạm danh dự, uy tín, nhân phẩm của Luật.

Về tiêu chuẩn “50% thắng mới nhận hồ sơ”: Luật không quy định Luật sư chỉ được nhận vụ việc khi “đảm bảo” tỷ lệ thắng. Việc đưa ra phát ngôn này mang tính áp đặt sai về nghề luật, có thể làm người khác hiểu sai về chuẩn mực hành nghề, điều này đã ảnh hưởng uy tín của luật sư nói chung cũng như bản thân ông nói riêng.

Lời nói này là phát ngôn ảnh hưởng đến danh dự, uy tín nghề nghiệp khi gán cho ông tiêu chuẩn đạo đức không đúng và hàm ý bản thân Luật sư thiếu đạo đức. Không phải cam kết pháp lý về việc nghỉ việc nếu thua hay thắng, chỉ là lời thách thức. Nghề luật sư không chỉ là một công việc mà còn là một chức năng bảo vệ công lý. Đối với khía cạnh pháp lý và tác động xã hội khi ông R đã dùng những lời nói nêu trên nhằm xúc phạm đến luật sư làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, danh dự, nhân phẩm của một cá nhân hành nghề Luật sư như ông.

Ngoài ra, việc ông Đặng Công T không điều chỉnh ngôn phong, tác phong khi ông R phát biểu tại buổi hòa giải, đây là hành vi không hành động của ông T. Trong khi ông T đóng vai trò là Chủ tịch Hội đồng hòa giải mà vẫn cổ xúy cho lời nói của ông R nhằm xúc phạm ông rất nhiều lần. Thể hiện, ông T không thực hiện đúng chức năng, quyền hạn của một vị Lãnh đạo Cơ quan. Điều này đã gián tiếp xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của một Luật sư như ông.

Hơn nữa, ông T và ông R cùng khẳng định tại Bản tự khai ngày 02/6/2025 bằng câu nói: “Ông Nguyễn Minh K là một Luật sư mà quá tráo trở" mang ý nghĩa pháp lý rất rõ rệt vì nó gắn trực tiếp đến danh dự và uy tín nghề nghiệp của Luật sư. Là sự thay đổi thái độ, lời nói một cách lật lọng, không đáng tin cậy, Có tính chất xảo trá, gian dối, phản bội. Hay khác hơn có hàm ý rằng người luật sư thiếu nhất quán, thay đổi lập trường bất chấp sự thật; có hành vi lật lọng, gian xảo, không đáng tin trong hành nghề; không giữ đạo đức nghề nghiệp, có thể “phản” khách hàng hoặc vụ việc nào đó. Những phát ngôn của ông R và ông

T khi cho rằng "Luật sư tráo trở", đây là một lời nói xúc phạm nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm và uy tín nghề nghiệp của ông – người đang thực hiện chức năng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự. Từ "tráo trở" trong tiếng Việt mang nghĩa lật lọng, gian xảo, thay đổi lập trường để trục lợi. Khi gán cho một luật sư, đây là cáo buộc ông thiếu trung thực, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, gây hiểu lầm nghiêm trọng cho những người tham dự phiên tòa và cho xã hội. Tại Điều 34 Bộ luật Dân sự 2015 quy định rõ: "Danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ." Điều 6 Luật Luật sư cũng khẳng định Nhà nước bảo đảm bảo vệ uy tín luật sư khi hành nghề. Vì vậy, việc bị đơn dùng lời nói này ngay trong quá trình hòa giải là hành vi xâm phạm danh dự, cản trở việc thực hiện chức năng của một Luật sư. Những phát ngôn này đã gây tổn hại đến tinh thần của ông, làm ảnh hưởng trực tiếp đến hình ảnh, uy tín nghề nghiệp của ông trước khách hàng, cộng đồng và cả trước những Cơ quan hữu quan khác. Đây là thiệt hại thực tế mà ông yêu cầu Tòa án ghi nhận. Để đạt được Chứng chỉ hành nghề Luật sư, ông đã phải trải qua quá trình học tập và rèn luyện trong một thời gian dài. Đã đạt được một trình độ nhất định do Bộ Tư pháp, L1 công nhận và cấp phép hành nghề. Ông nhận thấy, trong thời gian làm việc với Ủy ban nhân dân xã B, ông đã hợp tác rất tích cực; không có sơ suất về tác phong cũng như ngôn phong. Ông đã rất tôn trọng Cơ quan có thẩm quyền, không để sai sót về hành vi hay bất cứ vấn đề gì trái với quy định pháp luật tại Cơ quan. Trong quá trình đào tạo nghề Luật sư, Học viện Tư pháp đã quán triệt rất sâu sắc nội dung môn học "Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề Luật sư" và "Luật Luật sư". Qua đó, ông biết cách thể hiện như thế nào cho phù hợp đối với cơ quan nhà nước và cơ quan hữu quan khác. Trường hợp ông có vi phạm thì ông sẽ chịu sự điều chỉnh của Cơ quan có thẩm quyền. Ở đây, ông Trần Văn R không đủ thẩm quyền để đánh giá hay phán xét nghề nghiệp của ông. Ông R đã đánh đồng Luật sư, ông cho rằng Luật sư gạt tiền của người dân, lợi dụng, xúi giục, không biết sai trái, chỉ biết nhận tiền mà không hiểu được quyền lợi của người dân, ... Ông còn quả quyết kết quả vụ kiện là không thể nào thắng, nếu thắng ông sẽ lập tức viết đơn xin nghỉ việc. Theo quy định, không có một cá nhân nào hay tổ chức nào có thẩm quyền ngoài Tòa án để xét xử; để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Với vai trò là Luật sư, ông có sứ mệnh do Nhà nước giao phó là đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp đó. Đối với ông R, ông không có bất kỳ lời nói hay hành vi nào làm ảnh hưởng đến ông. Ông không rõ lý do vì sao ông R lại có thái độ và lời nói không thiện chí với ông như vậy?

Đặc biệt hơn nữa, ông Đặng Công T là Chủ tịch Ủy ban, là người chủ trì buổi hòa giải, mà ông không có sự điều chỉnh đối với ngôn phong của ông R. Không những thế, ông T còn dùng lời nói và cường độ rất cao nhằm đưa ra quan điểm không ủng hộ việc tranh chấp của bà N. Ông nhận thấy, ông T không thực hiện đúng theo chức năng và quyền hạn của một Lãnh đạo Cơ quan. Việc tranh chấp của các bên đương sự nếu hòa giải không thành thì có Cơ quan xét xử là Tòa án. Tại cấp cơ sở chỉ Hòa giải theo quy định của pháp luật, Ủy ban không có thẩm quyền phán quyết một sự việc khi pháp luật chưa quy định. Hơn nữa, ông T đã không phản đối việc ông R có lời nói xúc phạm ông mà còn cổ xúy để ông R phát biểu rất nhiều lần về nội dung xúc phạm đó. Như vậy, đủ thấy rằng, chức năng và quyền hạn của ông Chủ tịch đã không thực hiện đúng. Từ ngày hòa giải đến nay, công việc liên quan đến nghề Luật sư của ông đã bị ảnh hưởng rất nhiều. Số đông khách hàng của ông có đề cập đến việc bị ông R đánh giá là lừa gạt tiền của người dân. Họ rất hoang mang về tính sự thật của vụ việc này, ông không thể giải thích được do cũng chỉ là lời nói từ một bên. Tuy nhiên, về uy tín, danh dự, nhân phẩm của ông đã bị ảnh hưởng. Dẫn đến công việc hoạt động nghề của ông đã suy giảm rõ rệt tại địa bàn T. Điều đó đã tác động đến ti nh thần của ông rất nghiêm trọng. Rất nhiều tháng nay ông không thể buông bỏ được khi nhớ lại những lời nói của ông R và ông T tại buổi hòa giải đó. Ông đã bị mất tự tin trước khách hàng của ông cùng như những Cơ quan liên quan trong quá trình làm việc. Qua đó tôi nhận thấy, ông Đặng Công T không thực hiện đúng chức năng, quyền hạn làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Luật sư. Ông Trần Văn R có hành vi thể hiện bằng lời nói nhằm xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của Luật sư. Với những lý do nêu trên, nay ông yêu cầu Tòa án áp dụng những quy định của pháp luật nhằm bảo vệ sự tôn nghiêm của nghề luật sư và tính nghiêm minh của pháp luật để xem xét, giải quyết cho ông các vấn đề sau đây:

Xác định những lời nói trên đây của ông Đặng Công T và ông Trần Văn R là hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông.

Buộc ông Đặng Công T lập văn bản đính chính về việc thiếu trách nhiệm vì đã không điều chỉnh ngôn phong của ông Trần Văn R nhằm gián tiếp và trực tiếp xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của ông - Luật sư Nguyễn Minh K tại buổi hòa giải cũng như tại nội dung Bản tự khai ngày 02/6/2025;

Buộc ông Trần Văn R và ông Đặng Công T công khai xin lỗi trực tiếp đối với ông tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long vì đã xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của ông- Luật sư Nguyễn Minh K;

Buộc ông Trần Văn R và ông Đặng Công T có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho ông về tổn thất tinh thần do uy tín, danh dự, nhân phẩm của bị xúc phạm với số tiền bằng 10 tháng lương cơ bản là 23.400.000 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng).

** Tại bản tự khai ngày 21 tháng 3 năm 2025 và trong quá trình tố tụng tại tòa, bị đơn ông Đặng Công T trình bày:*

Tại phòng họp Ban chấp hành Đảng ủy xã, ngày 12 tháng 01 năm 2024 Ủy ban nhân dân xã B có tổ chức hòa giải theo nội dung đơn yêu cầu của bà Trần Thị N liên quan đến bà Trần Thị T1. Dự buổi hòa giải: Bên nguyên đơn có: Ông Nguyễn Minh K đại diện, bà Trần Thị N ủy quyền cho ông Nguyễn Minh K, bà Trần Thị N không tham dự. Bên bị đơn có bà Trần Thị T1 và bà Trần Thị Kim S con của bà T1 cùng dự. Hội đồng hòa giải gồm có: Ông Đặng Công T5 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B; Ông Trần Văn R - Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã B; Ông Trần Văn M – Công chức Địa chỉnh xã B; Ông Triệu Văn T6 - Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã B; Bà Huỳnh Thị Mộng T3 - Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ xã B; Bà Nguyễn Thị Thanh T7 - Bí thư Đoàn Thanh niên xã B; Bà Nguyễn Thị N1 - Công chức Tư pháp xã B (Có biên bản kèm theo). Đi vào nội dung chương trình hòa giải bà Nguyễn Thị N1 - Công chức Tư pháp xã, giới thiệu thành phần tham dự, đồng thời bà Nguyễn Thị N1 thông qua toàn văn đơn yêu cầu, nội dung yêu cầu của Trần Thị N buộc bà Trần Thị T1 phải di dời căn nhà trên đất thuộc tờ bản đồ số 3, thửa 422, toạ lạc tại ấp T, xã B. Ông Đặng Công T - Chủ tịch Hội đồng hòa giải xã nêu rõ nội dung tranh chấp giữa hai bên, đồng thời yêu cầu hai bên chấp hành nội quy hòa giải. Ý kiến của bị đơn và nguyên đơn, cùng các thành viên hội đồng hòa giải về nguồn gốc đất bà Trần Thị T1, đang sử dụng là của mẹ bà Trần Thị T1 để lại trước năm 1975. Ngày 21 tháng 4 năm 1995 bà Trần Thị T1 được cấp quyền sử dụng đất, tờ bản đồ số 3, thửa 722 và thửa 424. Đồng thời ngày 21 tháng 4 năm 1995 bà Huỳnh Thị B là mẹ của bà Trần Thị N được cấp quyền sử dụng đất, tờ bản đồ số 3, thửa 422, thửa 423, thửa 985. Hiện nay gia đình bà Trần Thị N đang quản lý và sử dụng tờ bản đồ số 3, thửa 422, bà Trần Thị T1 không có liên quan gì đến tờ bản đồ số 3, thửa 422. Trong quá trình làm việc, phân tích giải thích của Hội đồng hòa giải ông Nguyễn Minh K đã hiểu rõ nguồn gốc đất, ông Nguyễn Minh K đồng ý rút

đơn, nhưng ông Nguyễn Minh K nói đã rút đơn không ký biên bản, bên bị đơn bà Trần Thị T1, không có ý kiến gì về việc rút đơn của ông Nguyễn Minh K và đồng ý ký biên bản hòa giải. Ngày 12 tháng 01 năm 2024 ông khẳng định ông Trần Văn R không có xúc phạm uy tín, danh dự đối với ông Nguyễn Minh K. Ông Nguyễn Minh K nói ông và ông R thay phiên nhau dùng ngôn từ rất nặng nề làm cho bà Trần Thị N và chồng bà N run sợ không dám phát biểu ý kiến là sai sự thật, ngày đó bên nguyên đơn ông Nguyễn Minh K đại diện, vợ chồng bà Trần Thị N vắng mặt. Sau cuộc hòa giải ngày 12 tháng 01 năm 2024 ông không có văn bản kết luận, không có thông báo. Như vậy ai ghi âm, ai làm rò rỉ thông tin, ai phát tán thông tin, vì cuộc hòa giải trong phòng kính. Căn cứ vào đâu ông Nguyễn Minh K bị mất uy tín, mất danh dự, mất nhân phẩm. Thời gian ghi âm, địa điểm ghi âm, nội dung ghi âm. Trước khi hòa giải ông có yêu cầu hai bên không ghi âm, không chụp hình trong buổi hòa giải, bên nói bên nghe, không gây rối ồn ào, lắng nghe ý kiến của từng thành viên hội đồng phân tích giải thích. Ông khẳng định ngày 12 tháng 01 năm 2024 ông Trần Văn R không có xúc phạm uy tín, danh dự đối với ông Nguyễn Minh K.

** Tại bản tự khai ngày 02 tháng 6 năm 2025 bị đơn ông Đặng Công T trình bày:* Ngày 25 tháng 7 năm 2024, Ủy ban nhân dân xã B có phát hành giấy mời bà Trần Thị N và bà Trần Thị T1 đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã để hòa giải theo nội dung đơn yêu cầu của bà Trần Thị N liên quan đến bà Trần Thị T1. Dự buổi hòa giải bên nguyên đơn: ông Nguyễn Minh K đại diện, bà Trần Thị N ủy quyền cho ông Nguyễn Minh K. Bên bị đơn: bà Trần Thị T1 và bà Trần Thị Kim S - con của bà Trần Thị T1 cùng dự. Hội đồng hòa giải gồm có: Ông Đặng Công T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B; Ông Trần Văn R - Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã B; Ông Nguyễn Văn T4 - Chủ tịch Hội Nông dân xã B; Ông Trần Văn M – Công chức Địa chính xã B; Ông Triệu Văn T6 - Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã B; Bà Huỳnh Thị Mộng T3 - Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ xã B; Bà Nguyễn Thị N1 - công chức Tư pháp xã B (Có biên bản kèm theo). Đi vào nội dung chương trình hòa giải bà Nguyễn Thị N1 - Công chức Tư pháp xã, giới thiệu thành phần tham dự, đồng thời bà Nguyễn Thị N1 thông qua toàn văn đơn yêu cầu, nội dung yêu cầu của Trần Thị N buộc bà Trần Thị T1 phải di dời căn nhà trên đất thuộc tờ bản đồ số 3, thửa 422, toạ lạc tại ấp T, xã B. Ông Đặng Công T - Chủ tịch Hội đồng hòa giải xã nêu rõ nội dung tranh chấp giữa hai bên, đồng thời yêu cầu hai bên chấp hành nội quy hòa giải, không ghi âm, không ghi hình, không cự cải, bên nói bên nghe, không gây rối ồn ào, lắng nghe ý kiến của

từng thành viên hội đồng phân tích giải thích. Ý kiến của bị đơn và nguyên đơn, cùng các thành viên hội đồng hòa giải về nguồn gốc đất bà Trần Thị T1, đang sử dụng là của mẹ bà Trần Thị T1 để lại năm 1975. Ngày 21 tháng 4 năm 1995 bà Trần Thị T1 được cấp quyền sử dụng đất, tờ bản đồ số 3, thửa 722 và thửa 424. Đồng thời ngày 21 tháng 4 năm 1995 bà Huỳnh Thị B là mẹ của bà Trần Thị N được cấp quyền sử dụng đất, tờ bản đồ số 3, thửa 422, thửa 423, thửa 985. Hiện nay gia đình bà Trần Thị N đang quản lý và sử dụng tờ bản đồ số 3, thửa 422, bà Trần Thị T1 không có liên quan gì đến tờ bản đồ số 3, thửa 422. Qua phân tích giải thích của Hội đồng hòa giải ông Nguyễn Minh K đã hiểu rõ nguồn gốc đất, ông Nguyễn Minh K đồng ý suy nghĩ lại, bên nguyên đơn và bên bị đơn có ký biên bản của buổi hòa giải. Ngày 25 tháng 7 năm 2024 ông khẳng định ông Trần Văn R không có xúc phạm uy tín, danh dự đối với ông Nguyễn Minh K. Ông Nguyễn Minh K nói ông và ông R thay phiên nhau dùng ngôn từ rất nặng nề làm cho bà Trần Thị N và chồng bà N run sợ không dám phát biểu ý kiến là sai, lý do vợ chồng bà N đã ủy quyền cho ông K, nên vợ chồng không có ý kiến. Sau buổi hòa giải ngày 25 tháng 7 năm 2024 ông không có văn bản kết luận, không có thông báo. Như vậy ai ghi âm, ai làm rò rỉ thông tin, ai phát tán thông tin, vì buổi hòa giải trong phòng kính. Căn cứ vào đâu ông Nguyễn Minh K bị mất uy tín, mất danh dự, mất nhân phẩm. Trước khi vào buổi hòa giải ông có yêu cầu hai bên chấp hành nội quy hòa giải, không ghi âm, không ghi hình trong buổi hòa giải, bên nói bên nghe, không gây rối ồn ào, lắng nghe ý kiến của từng thành viên hội đồng phân tích giải thích. Đề nghị quý toà kiểm định thời gian ghi âm, địa điểm ghi âm, nội dung ghi âm, có còn nguyên vẹn bản gốc hay không. Ông Nguyễn Minh K là luật sư mà quá tráo trở, cùng một nội dung, cùng một sự việc mà nay ông K thưa ngày tháng này, mai ông K thưa ngày tháng khác, kính mong quý Toà xem xét. Một lần nữa ông khẳng định ngày 25 tháng 7 năm 2024 ông Trần Văn R không có xúc phạm uy tín, danh dự đối với ông Nguyễn Minh K.

** Tại bản tự khai ngày 16 tháng 9 năm 2025 ông Đặng Công T trình bày:* Ngày 25 tháng 7 năm 2024 Ủy ban nhân dân xã B có phát hành giấy mời bà Trần Thị N và bà Trần Thị T1 đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã để hòa giải theo nội dung đơn yêu cầu của bà Trần Thị N liên quan đến bà Trần Thị T1. Dự buổi hòa giải bên nguyên đơn: ông Nguyễn Minh K đại diện, bà Trần Thị N ủy quyền cho ông Nguyễn Minh K. Bên bị đơn: bà Trần Thị T1 và bà Trần Thị Kim S - con của bà Trần Thị T1 cùng dự. Hội đồng hòa giải gồm có: Ông Đặng Công T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B; Ông Trần Văn R - Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ

quốc Việt Nam xã B; Ông Nguyễn Văn T4 - Chủ tịch Hội Nông dân xã B; Ông Trần Văn M – Công chức Địa chính xã B; Ông Triệu Văn T6 - Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã B; Bà Huỳnh Thị Mộng T3 - Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ xã B; Bà Nguyễn Thị N1 - Công chức Tư pháp xã B. Đi vào nội dung chương trình hòa giải bà Nguyễn Thị N1 - Công chức Tư pháp xã, giới thiệu thành phần tham dự, đồng thời bà Nguyễn Thị N1 thông qua toàn văn đơn yêu cầu, nội dung yêu cầu của Trần Thị N buộc bà Trần Thị T1 phải di dời căn nhà trên đất thuộc tờ bản đồ số 3, thửa 422, toạ lạc tại ấp T, xã B. Ông Đặng Công T - Chủ tịch Hội đồng hòa giải xã nêu rõ nội dung tranh chấp giữa hai bên, đồng thời yêu cầu hai bên chấp hành nội quy hòa giải, không ghi âm, không ghi hình, không cự cải, bên nói bên nghe, không gây rối ồn ào, lắng nghe ý kiến của từng thành viên hội đồng phân tích giải thích. Ý kiến của bị đơn và nguyên đơn, cùng các thành viên hội đồng hòa giải về nguồn gốc đất bà Trần Thị T1, đang sử dụng là của mẹ bà Trần Thị T1 để lại trước năm 1975. Ngày 21 tháng 4 năm 1995 bà Trần Thị T1 được cấp quyền sử dụng đất, tờ bản đồ số 3, thửa 722 và thửa 424. Đồng thời ngày 21 tháng 4 năm 1995 bà Huỳnh Thị B là mẹ của bà Trần Thị N được cấp quyền sử dụng đất, tờ bản đồ số 3, thửa 422, thửa 423, thửa 985. Hiện nay gia đình bà Trần Thị N đang quản lý và sử dụng tờ bản đồ số 3, thửa 422. Bà Trần Thị T1 không có liên quan gì đến tờ bản đồ số 3, thửa 422. Qua phân tích giải thích của Hội đồng hòa giải ông Nguyễn Minh K đã hiểu rõ nguồn gốc đất, ông Nguyễn Minh K đồng ý suy nghĩ lại, bên nguyên đơn và bên bị đơn có ký biên bản của buổi hòa giải. Ngày 25 tháng 7 năm 2024 ông khẳng định ông Trần Văn R không có xúc phạm uy tín, danh dự đối với ông Nguyễn Minh K. Ông Nguyễn Minh K nói ông và ông R thay phiên nhau dùng ngôn từ rất nặng nề làm cho bà Trần Thị N và chồng bà N run sợ không dám phát biểu ý kiến là sai, lý do vợ chồng bà N đã ủy quyền cho ông K, nên vợ chồng không có ý kiến. Sau buổi hòa giải ngày 25 tháng 7 năm 2024 ông không có văn bản kết luận, không có thông báo. Như vậy ai ghi âm? ai làm rò rỉ thông tin? ai phát tán thông tin? gì buổi hòa giải trong phòng kính. Căn cứ vào đâu ông Nguyễn Minh K bị mất uy tín? mất danh dự? mất nhân phẩm? Trước khi vào buổi hòa giải ông có yêu cầu hai bên chấp hành nội quy hòa giải, không ghi âm, không ghi hình trong buổi hòa giải, bên nói bên nghe, không gây rối ồn ào, lắng nghe ý kiến của từng thành viên hội đồng phân tích giải thích. Đề nghị quý toà kiểm định thời gian ghi âm, địa điểm ghi âm, nội dung ghi âm, có còn nguyên vẹn bản gốc hay không. Ông Nguyễn Minh K là một luật sư, cùng một nội dung, cùng một sự việc nhưng thời

gian được đề cập trong vụ việc không đồng nhất (nay ông K thưa ngày này tháng này, mai ông K thưa ngày khác tháng khác), kính mong quý tòa xem xét. Đối với đoạn ghi âm do ông Nguyễn Minh K cung cấp ngày 09 tháng 01 năm 2025 tại tòa án để làm bằng chứng. Ông xin kiến nghị như sau: Đây là phiên hòa giải do hòa giải viên tiến hành hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Căn cứ Điều 4 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020 về bảo mật thông tin hòa giải, đối thoại tại Tòa án: "...2. Trong quá trình hòa giải, đối thoại không được ghi âm, ghi hình, ghi biên bản hòa giải, đối thoại. Việc lập biên bản chỉ được thực hiện để ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại theo quy định tại Điều 31 của Luật này. Hòa giải viên, các bên chỉ được ghi chép để phục vụ cho việc hòa giải, đối thoại và phải bảo mật nội dung đã ghi chép. 3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được sử dụng tài liệu, lời trình bày của các bên trong quá trình hòa giải, đối thoại làm chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật, trừ các trường hợp sau đây: a) Bên đã xuất trình tài liệu, trình bày ý kiến trong quá trình hòa giải, đối thoại đồng ý việc sử dụng tài liệu, lời trình bày của mình trong quá trình hòa giải, đối thoại làm chứng cứ; b) Phải sử dụng làm chứng cứ theo quy định của luật." Kính đề nghị Quý Tòa không sử dụng đoạn ghi âm do nguyên đơn cung cấp làm chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật. Một lần nữa ông khẳng định ngày 25 tháng 7 năm 2024 ông Trần Văn R không có xúc phạm uy tín, danh dự đối với ông Nguyễn Minh K.

** Tại bản tự khai ngày 21 tháng 3 năm 2025 bị đơn ông Trần Văn R trình bày:* Ngày 12 tháng 01 năm 2024 Ủy ban nhân dân xã B có phát hành giấy mời bà Trần Thị N và bà Trần Thị T1 đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã để hòa giải theo nội dung đơn yêu cầu của bà Trần Thị N liên quan đến bà Trần Thị T1. Dự buổi hòa giải: Bên nguyên đơn có: Ông Nguyễn Minh K đại diện, bà Trần Thị N ủy quyền cho ông Nguyễn Minh K, bà Trần Thị N không tham dự. Bên bị đơn có bà Trần Thị T1 và bà Trần Thị Kim S con của bà T1 cùng dự. Hội đồng hòa giải gồm có: Ông Đặng Công T5 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B; Ông Trần Văn R - Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã B; Ông Trần Văn M – Công chức Địa chính xã B; Ông Triệu Văn T6 - Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã B; Bà Huỳnh Thị Mộng T3 - Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ xã B; Bà Nguyễn Thị Thanh T7 - Bí thư Đoàn Thanh niên xã B; Bà Nguyễn Thị N1 - Công chức Tư pháp xã B (Có biên bản kèm theo). Đi vào nội dung chương trình hòa giải bà Nguyễn Thị N1 - Công chức Tư pháp xã, giới thiệu thành phần tham dự, đồng

thời bà Nguyễn Thị N1 thông qua toàn văn đơn yêu cầu, nội dung yêu cầu của Trần Thị N buộc bà Trần Thị T1 phải di dời căn nhà trên đất thuộc tờ bản đồ số 3, thửa 422, toạ lạc tại ấp T, xã B. Ông Đặng Công T - Chủ tịch Hội đồng hòa giải xã nêu rõ nội dung tranh chấp giữa hai bên, đồng thời yêu cầu hai bên chấp hành nội quy hòa giải. Ý kiến của bị đơn và nguyên đơn, cùng các thành viên hội đồng hòa giải về nguồn gốc đất bà Trần Thị T1, đang sử dụng là của mẹ bà Trần Thị T1 để lại trước năm 1975. Ngày 21 tháng 4 năm 1995 bà Trần Thị T1 được cấp quyền sử dụng đất, tờ bản đồ số 3, thửa 722 và thửa 424. Đồng thời ngày 21 tháng 4 năm 1995 bà Huỳnh Thị B là mẹ của bà Trần Thị N được cấp quyền sử dụng đất, tờ bản đồ số 3, thửa 422, thửa 423, thửa 985. Hiện nay gia đình bà Trần Thị N đang quản lý và sử dụng tờ bản đồ số 3, thửa 422, bà Trần Thị T1 không có liên quan gì đến tờ bản đồ số 3, thửa 422. Trong quá trình hòa giải ông có phân tích thêm nguồn gốc đất này trước đây là của mẹ bà T1 và được nhà nước tặng nhà tình nghĩa vào năm 1994, đến ngày 21 tháng 4 năm 1995 bà Trần Thị T1 được cấp quyền sử dụng đất, tờ bản đồ số 3 thửa 722 và thửa 424. Đến năm 2017 thì ngôi nhà tình nghĩa xuống cấp, được nhà nước tiếp tục hỗ trợ để sửa chữa. Sau đó qua phân tích giải thích của Hội đồng hòa giải ông Nguyễn Minh K đã hiểu rõ nguồn gốc đất và nhà tình nghĩa. Ông Nguyễn Minh K đồng ý rút đơn, nhưng ông Nguyễn Minh K nói đã rút đơn không cần ký tên vào biên bản, bên bị đơn bà Trần Thị T1 có ký biên bản hòa giải. Ngày 12 tháng 01 năm 2024 ông khẳng định ông không có xúc phạm uy tín, danh dự đối với ông Nguyễn Minh K.

** Tại bản tự khai ngày 02 tháng 6 năm 2025 bị đơn ông Trần Văn R trình bày:* Ngày 25 tháng 7 năm 2024 Ủy ban nhân dân xã B có phát hành giấy mời bà Trần Thị N và bà Trần Thị T1 đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã để hòa giải theo nội dung đơn yêu cầu của bà Trần Thị N liên quan đến bà Trần Thị T1. Dự buổi hòa giải bên nguyên đơn: ông Nguyễn Minh K đại diện, bà Trần Thị N ủy quyền cho ông Nguyễn Minh K. Bên bị đơn: bà Trần Thị T1 và bà Trần Thị Kim S - con của bà Trần Thị T1 cùng dự. Hội đồng hòa giải gồm có: Ông Đặng Công T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B; Ông Trần Văn R - Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã B; Ông Nguyễn Văn T4 - Chủ tịch Hội Nông dân xã B; Ông Trần Văn M – Công chức Địa chính xã B; Ông Triệu Văn T6 - Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã B; Bà Huỳnh Thị Mộng T3 - Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ xã B; Bà Nguyễn Thị N1. Công chức Tư pháp xã B (có biên bản kèm theo). Đi vào nội dung chương trình hòa giải bà Nguyễn Thị N1 - Công chức Tư pháp xã,

giới thiệu thành phần tham dự, đồng thời bà Nguyễn Thị N1 thông qua toàn văn đơn yêu cầu, nội dung yêu cầu của Trần Thị N buộc bà Trần Thị T1 phải di dời căn nhà trên đất thuộc tờ bản đồ số 3, thửa 422, toạ lạc tại ấp T, xã B. Ông Đặng Công T - Chủ tịch Hội đồng hòa giải xã nêu rõ nội dung tranh chấp giữa hai bên, đồng thời yêu cầu hai bên chấp hành nội quy hòa giải, không ghi âm, không ghi hình, không cự cải, bên nói bên nghe, không gây rối ồn ào, lắng nghe ý kiến của từng thành viên hội đồng phân tích giải thích. Ý kiến của bị đơn và nguyên đơn, cùng các thành viên hội đồng hòa giải về nguồn gốc đất bà Trần Thị T1, đang sử dụng là của mẹ bà Trần Thị T1 để lại năm 1975. Ngày 21 tháng 4 năm 1995 bà Trần Thị T1 được cấp quyền sử dụng đất, tờ bản đồ số 3, thửa 722 và thửa 424. Đồng thời ngày 21 tháng 4 năm 1995 bà Huỳnh Thị B là mẹ của bà Trần Thị N được cấp quyền sử dụng đất, tờ bản đồ số 3, thửa 422, thửa 423, thửa 985. Hiện nay gia đình bà Trần Thi N2 đang quản lý và sử dụng tờ bản đồ số 3, thửa 422, bà Trần Thị T1 không có liên quan gì đến tờ bản đồ số 3, thửa 422. Qua phân tích giải thích của Hội đồng hòa giải ông Nguyễn Minh K đã hiểu rõ nguồn gốc đất, ông Nguyễn Minh K đồng ý suy nghĩ lại, bên nguyên đơn và bên bị đơn có ký biên bản của buổi hòa giải. Ngày 25 tháng 7 năm 2024 ông khẳng định ông không có xúc phạm uy tín, danh dự đối với ông Nguyễn Minh K. Ông Nguyễn Minh K nói ông và ông R thay phiên nhau dùng ngôn từ rất nặng nề làm cho bà Trần Thị N và chồng bà N run sợ không dám phát biểu ý kiến là sai, lý do vợ chồng bà N đã ủy quyền cho ông K, nên vợ chồng không có ý kiến. Sau buổi hòa giải ngày 25 tháng 7 năm 2024 ông không có văn bản kết luận, không có thông báo. Như vậy ai ghi âm, ai làm rò rỉ thông tin, ai phát tán thông tin, gì buổi hòa giải trong phòng kính. Căn cứ vào đâu ông Nguyễn Minh K bị mất uy tín, mất danh dự, mất nhân phẩm. Trước khi vào buổi hòa giải ông có yêu cầu hai bên chấp hành nội quy hòa giải, không ghi âm, không ghi hình trong buổi hòa giải, bên nói bên nghe, không gây rối ồn ào, lắng nghe ý kiến của từng thành viên hội đồng phân tích giải thích. Đề nghị quý toà kiểm định thời gian ghi âm, địa điểm ghi âm, nội dung ghi âm, có còn nguyên vẹn bản gốc hay không. Ông Nguyễn Minh K là một luật sư mà quá tráo trở, cùng một nội dung cùng một sự việc mà nay ông K thưa ngày tháng này, mai ông K thưa ngày tháng khác, kính mong quý Toà xem xét. Một lần nữa ông khẳng định ngày 25 tháng 7 năm 2024 ông không có xúc phạm uy tín, danh dự đối với ông Nguyễn Minh K.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Vĩnh Long đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 132/2025/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Vĩnh Long đã tuyên:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584; Điều 585; Điều 592 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh K về việc: Buộc ông Đặng Công T ban hành văn bản đính chính về việc thiếu trách nhiệm đã không điều chỉnh ngôn phong của ông Trần Văn R nhằm xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của ông - Luật sư Nguyễn Minh K tại buổi hòa giải ngày 25 tháng 7 năm 2024; Buộc ông Trần Văn R và ông Đặng Công T công khai xin lỗi ông K tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã B (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long) vì đã xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của ông - Luật sư Nguyễn Minh K; Buộc ông Trần Văn R và ông Đặng Công T có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho ông về tổn thất tinh thần do uy tín, danh dự, nhân phẩm của ông bị xúc phạm với số tiền bằng 10 tháng lương cơ bản là 23.400.000 đồng (hai mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, thi hành bản án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/10/2025, nguyên đơn ông Nguyễn Minh K kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn, các bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Xét thấy kháng cáo của ông Nguyễn Minh K là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông K, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 132/2025/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Nguyễn Minh K; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Minh K kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Minh K, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Nguyên đơn ông Nguyễn Minh K cho rằng tại buổi hòa giải ngày 25 tháng 7 năm 2024 tại Ủy ban nhân dân xã B đối với vụ việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa người yêu cầu bà Trần Thị N, người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Minh K, người bị yêu cầu bà Trần Thị T1, ông T và ông R luân phiên nhau có hành vi thể hiện bằng lời nói, cử chỉ, thái độ rất gay gắt nhằm phê phán, đánh giá sự thật khách quan của vấn đề, hai ông cho rằng nội dung tranh chấp không có cơ sở, không phù hợp với thực tế... Ngoài ra, hai ông dùng ngôn phong rất nặng nề, cường độ âm thanh gây rất không thoải mái cho buổi hòa giải. Ông Trần Văn R dùng lời lẽ rất nặng nề, đã xúc phạm đến uy tín, danh dự của một Luật sư như ông K. Hơn nữa, ông Đặng Công T là Chủ tịch Ủy ban, là người chủ trì buổi hòa giải, mà ông T không có sự điều chỉnh đối với ngôn phong của ông R. Không những thế, ông T còn dùng lời nói và cường độ rất cao nhằm đưa ra quan điểm không ủng hộ việc tranh chấp của bà N. Ông nhận thấy, ông T không thực hiện đúng theo chức năng và quyền hạn của một Lãnh đạo Cơ quan. Hơn nữa, ông T đã không phản đối việc ông R có lời nói xúc phạm ông mà còn cổ xúy để ông R phát biểu rất nhiều lần về nội dung xúc phạm đó. Như vậy, đủ thấy rằng, chức năng và quyền hạn của ông T đã không thực hiện đúng. Làm công việc liên quan đến nghề Luật sư của ông K đã bị ảnh hưởng rất nhiều. Điều

đó tác động đến tinh thần của ông K rất nghiêm trọng. Ông đã bị mất tự tin trước khách hàng của ông cùng như những Cơ quan trong quá trình làm việc. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông các vấn đề sau đây: Buộc ông Đặng Công T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B ban hành văn bản đính chính về việc thiếu trách nhiệm đã không điều chỉnh ngôn phong của ông Trần Văn R nhằm xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của ông - Luật sư Nguyễn Minh K tại buổi hòa giải như đã nêu trên; Buộc ông Trần Văn R và ông Đặng Công T công khai xin lỗi ông tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã B (nay là Ủy ban nhân dân xã T) vì đã xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của ông - Luật sư Nguyễn Minh K; Buộc ông Trần Văn R và ông Đặng Công T có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho ông về tổn thất tinh thần do uy tín, danh dự, nhân phẩm của ông bị xúc phạm với số tiền bằng 10 tháng lương cơ bản là 23.400.000 đồng (Hai mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

[2.2] Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh thì đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Theo đó ông K cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của ông bị xâm phạm thì ông phải có nghĩa vụ cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án ông K có cung cấp cho Tòa án một USB chứa file ghi âm (kèm theo văn bản trình bày nội dung lược ghi), theo nguyên đơn trình bày là USB chứa nội dung một phần đoạn ghi âm buổi hòa giải ngày 25 tháng 7 năm 2024 tại Ủy ban nhân dân xã B trong vụ việc tranh chấp giữa các đương sự người yêu cầu bà Trần Thị N, người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Minh K, người bị yêu cầu bà Trần Thị T1. Xét file ghi âm mà nguyên đơn ông K cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, đối với tài liệu chứng cứ là một file ghi âm này, bị đơn có đề nghị Tòa án kiểm định đối với thời gian ghi âm, địa điểm ghi âm, nội dung ghi âm, có còn nguyên vẹn bản gốc hay không. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ban hành thông báo giao nộp tài liệu chứng cứ số 304/TB-TA ngày 04 tháng 8 năm 2025 để thông báo cho ông Nguyễn Minh K là nguyên đơn phải cung cấp những tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể như sau: " Ông Nguyễn Minh K có quyền yêu cầu Tòa án tiến hành trưng cầu giám định đối với file ghi âm mà ông cung cấp cho Tòa án. Trường hợp ông yêu cầu Tòa án tiến hành trưng cầu giám định thì ông phải làm đơn yêu cầu và cung cấp tài liệu, đồ

vật có liên quan hoặc mẫu so sánh gửi kèm theo (nếu có) để Tòa án tiến hành trưng cầu giám định theo quy định của pháp luật". Nhưng quá thời hạn được ấn định theo thông báo giao nộp tài liệu chứng cứ ông K không cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án nên phải chịu hậu quả pháp lý quy định tại khoản 4 Điều luật này. Hơn nữa buổi hòa giải là hoạt động nội bộ, có quy định không ghi âm ghi hình nếu chưa được sự đồng ý của Hội đồng hòa giải và các bên tham gia. Do đó có căn cứ xác định file ghi âm này chưa được đảm bảo tính hợp pháp về mặt thu thập, chưa được kiểm chứng tính toàn vẹn nên không đủ giá trị pháp lý để khẳng định ông R hay ông T có lời nói, hành vi xúc phạm đối với ông K.

Hơn nữa qua kiểm tra nội dung file ghi âm có tên "GHI ÂM BUỔI HÒA GIẢI VỤ NHEN- THU -BÌNH THẠNH" có thời lượng 56 phút 01 giây ghi âm nội dung buổi hòa giải ngày 25 tháng 7 năm 2024, cũng không đủ chứng cứ để chứng minh ông T, ông R có dùng lời nói để xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông K để gây thiệt hại cho ông K như ông đã trình bày. Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 25 tháng 7 năm 2024, biên bản lấy lời khai người làm chứng đối với ông Nguyễn Văn T4, bà Huỳnh Thị Mộng T3, ông Triệu Văn T6, bà Nguyễn Thị N1, ông Trần Văn M là các thành viên hội đồng hòa giải, cũng như biên bản lấy lời khai người làm chứng đối với bà Trần Thị Kim S, bà Trần Thị T1, bà Trần Thị N, ông Trần Văn X là các bên tham gia hòa giải, không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện ông Trần Văn R đã trực tiếp dùng những lời lẽ xúc phạm nghiêm trọng đến ông K. Các nội dung đối thoại, phân tích của ông R chủ yếu nhằm làm rõ, phân tích giải thích về nguồn gốc đất, tính khả thi của yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N. Đây là quyền, trách nhiệm của thành viên hội đồng hòa giải theo quy định. Hơn nữa đây cuộc họp hòa giải mang tính nội bộ, do Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre thực hiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013, có sự tham gia của các bên tranh chấp, thành viên hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Theo trình bày của bị đơn thì sau buổi hòa giải không có ban hành văn bản kết luận, thông báo gì, do đó có căn cứ để xác định bị đơn không có loan truyền thông tin đến người khác, không có tiết lộ thông tin ra bên ngoài, nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh bị đơn có hành vi loan truyền, phát tán thông tin nhằm bôi nhọ danh dự, nhân phẩm của nguyên đơn.

Nguyên đơn ông K cho rằng "công việc liên quan đến nghề Luật sư của ông đã bị ảnh hưởng rất nhiều. Điều đó tác động đến tinh thần của ông rất nghiêm trọng. Ông đã bị mất tự tin trước khách hàng của ông cùng như những Cơ quan trong quá trình làm việc". Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ban hành thông báo giao nộp tài liệu chứng cứ số 130/TB-TA ngày 21 tháng 7 năm 2025 để thông báo cho ông Nguyễn Minh K là nguyên đơn phải cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh nội dung này. Nhưng quá thời hạn được ấn định theo thông báo giao nộp tài liệu chứng cứ ông K không cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án nên phải chịu hậu quả pháp lý quy định, do đó căn cứ xác định ông K không chứng minh được có bất cứ dư luận nào hay phản ánh gì gây ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của nguyên đơn.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 ông K có cung cấp cho Tòa án một USB chứa file ghi âm (kèm theo văn bản trình bày nội dung lược ghi), theo nguyên đơn trình bày là USB chứa nội dung một phần đoạn ghi âm buổi hòa giải ngày 09/01/2025 tại Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre trong vụ việc tranh chấp giữa các đương sự nêu trên. Qua kiểm tra nội dung file ghi âm có tên "GHI ÂM 09-012025" có thời lượng 01 giờ 23 phút 19 giây ghi âm nội dung buổi hòa giải ngày 01 tháng 01 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Xét thấy buổi hòa giải ngày 09 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự nêu trên là hoạt động hòa giải do hòa giải viên tiến hành trước khi Tòa án thụ lý vụ án, nhằm hỗ trợ các bên tham gia hòa giải thoả thuận giải quyết vụ việc dân sự theo quy định của Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2020. Theo quy định tại Điều 4 Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2020 " ... 2. Trong quá trình hòa giải, đối thoại không được ghi âm, ghi hình, ghi biên bản hòa giải, đối thoại... 3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được sử dụng tài liệu, lời trình bày của các bên trong quá trình hòa giải, đối thoại làm chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật, trừ các trường hợp sau đây: a. Bên đã xuất trình tài liệu trình bày ý kiến trong quá trình hòa giải, đối thoại đồng ý việc sử dụng tài liệu, lời trình bày của mình trong quá trình hòa giải, đối thoại làm chứng cứ....". Do đó Tòa án không sử dụng tài liệu, chứng cứ là file ghi âm buổi hòa giải ngày 09/01/2025 làm chứng cứ để giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông K cho rằng ông T không thực hiện đúng theo chức năng và quyền hạn của một lãnh đạo cơ quan: thấy rằng, với vai trò và trách nhiệm của Chủ tịch hội đồng hòa giải, ông Đặng Công T đã chủ trì buổi hòa giải, phân công công chức đọc đơn, giới thiệu thành phần, điều hành quá

trình trao đổi. Việc các thành viên hội đồng hòa giải phân tích, đánh giá tính hợp pháp, tính khả thi của yêu cầu khởi kiện là nghĩa vụ, là trách nhiệm được phân công, nhằm giúp các bên hiểu rõ hơn về quyền và nghĩa vụ của mình. Ông K không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình cho rằng ông T đã không thực hiện đúng theo chức năng và quyền hạn của một lãnh đạo cơ quan hoặc cho rằng ông T đã cổ xúy để ông R phát biểu rất nhiều lần về nội dung xúc phạm ông K.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông K, yêu cầu ông T, ông R nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho ông K về tổn thất tinh thần do uy tín, danh dự, nhân phẩm của ông bị xúc phạm với số tiền bằng 10 tháng lương cơ bản là 23.400.000 đồng, thấy rằng:

Theo khoản 1 Điều 584 Bộ luật Dân sự quy định căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại như sau: "Người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường, trừ trường hợp bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác" và khoản 1 Điều 592 Bộ luật Dân sự quy định "Thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm bao gồm: a). Chi phí hợp lý để hạn chế, khắc phục thiệt hại; b). Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút; c). Thiệt hại khác do luật quy định".

Điều 2 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định:

"1. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 584 của Bộ luật Dân sự phát sinh khi có đầy đủ các yếu tố sau đây:

a. Có hành vi xâm phạm, tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm uy tín tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của người khác.

b. Có thiệt hại xảy ra là thiệt hại về vật chất, thiệt hại về tinh thần.

Thiệt hại về vật chất là tổn thất vật chất thực tế xác định được của chủ thể bị xâm phạm, bao gồm tổn thất về tài sản mà không khắc phục được; chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế, khắc phục thiệt hại; thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút do tài sản, sức khoẻ, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền và lợi ích pháp khác bị xâm phạm;

Thiệt hại về tinh thần là tổn thất tinh thần do bị xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền và lợi ích nhân thân khác mà chủ thể bị xâm phạm hoặc người thân thích của họ phải chịu và cần phải được bồi thường một khoản tiền bù đắp tổn thất đó.

c. Có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi xâm phạm. Thiệt hại xảy ra phải là kết quả tất yếu của hành vi xâm phạm và ngược lại hành vi xâm phạm là nguyên nhân gây ra thiệt hại.”

Như vậy trách nhiệm bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín chỉ phát sinh khi có hành vi xâm phạm, có thiệt hại xảy ra và có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi xâm phạm. Theo đó để có căn cứ xác định ông T, ông R phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm uy tín cho ông K hay không thì phải xác định phải có hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác, có thiệt hại xảy ra hay không, phải có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi xâm phạm, thiệt hại xảy ra phải là kết quả tất yếu của hành vi xâm phạm và và ngược lại hành vi xâm phạm là nguyên nhân gây ra thiệt hại thì mới có căn cứ để buộc bồi thường.

Theo nguyên tắc về bồi thường thiệt hại thì nguyên đơn phải chứng minh được thiệt hại cụ thể mà mình phải gánh chịu do hành vi xâm phạm của bị đơn gây ra. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ban hành Thông báo giao nộp tài liệu chứng cứ số 130/TB-TA ngày 21 tháng 7 năm 2025 để thông báo cho ông Nguyễn Minh K là nguyên đơn phải cung cấp những tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể như sau: Theo đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 14 tháng 5 năm 2025 ông cho rằng “Công việc liên quan đến nghề luật sư của tôi bị ảnh hưởng rất nhiều. Số đông khách hàng của tôi có đề cập đến việc bị ông R đánh giá là lừa gạt tiền của người dân. Họ rất hoang mang về tính sự thật của vụ việc này, tôi không thể giải thích được do cũng chỉ là lời nói từ một bên. Tuy nhiên về uy tín, danh dự, nhân phẩm của tôi đã bị ảnh hưởng. Dẫn đến công việc hoạt động nghề của tôi bị suy giảm rõ rệt tại địa bàn huyện T. Điều đó đã tác động đến tinh thần của tôi rất nghiêm trọng. Rất nhiều tháng nay tôi không thể buông bỏ được khi nhớ lại những lời nói của ông R và ông T tại buổi hòa giải. Tôi đã bị mất tự tin trước khách hàng của tôi cũng như những cơ quan liên quan trong quá trình làm việc”. Tòa án đã đề nghị ông K cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh nội dung này; tài liệu, chứng cứ chứng minh ông bị tổn thất tinh thần do uy tín, danh dự, nhân phẩm của ông bị xâm phạm là 23.400.000 đồng. Tuy nhiên, quá thời hạn được ấn định theo thông báo giao nộp tài liệu chứng cứ nhưng ông K không cung cấp được chứng cứ cũng như không chứng minh được thiệt hại về thu nhập của mình.

[2.4] Như đã phân tích trên thì nguyên đơn ông K không chứng minh được ông T và ông R có hành vi xúc phạm danh dự nhân phẩm đối với ông K và cũng

không chứng minh được thiệt hại về vật chất và tinh thần của ông K cũng như ông K không chứng minh được việc ông T đã không thực hiện đúng theo chức năng và quyền hạn của một lãnh đạo cơ quan nên không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K.

[3] Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của ông K là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Vì vậy, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Minh K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên ông K được miễn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh K, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 132/2025/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Vĩnh Long.

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 592 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh K về việc: Buộc ông Đặng Công T ban hành văn bản đính chính về việc thiếu trách nhiệm đã không điều chỉnh ngôn phong của ông Trần Văn R nhằm xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của ông - Luật sư Nguyễn Minh K tại buổi hòa giải ngày 25 tháng 7 năm 2024; Buộc ông Trần Văn R và ông Đặng

Công T công khai xin lỗi ông K tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã B (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long) vì đã xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của ông - Luật sư Nguyễn Minh K; Buộc ông Trần Văn R và ông Đặng Công T có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho ông về tổn thất tinh thần do uy tín, danh dự, nhân phẩm của ông bị xúc phạm với số tiền bằng 10 tháng lương cơ bản là 23.400.000 đồng (hai mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh K được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Minh K được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 9 - Vĩnh Long;
- Phòng GĐ,KT,TT&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạt